

Số: 103/2026/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 21 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3, Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của **ủy ban T1**”.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 128/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Chị **Chu Thị N**, sinh năm 1987; Địa chỉ: **Thôn K, xã H, tỉnh Tuyên Quang**

+ Anh **Lý Kim T**, sinh năm 1984; Địa chỉ: **Tổ G N, phường H, tỉnh Tuyên Quang**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Chu Thị N** và anh **Lý Kim T** nhất trí thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Giao cho chị **Chu Thị N** là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Lý Bảo N1**, sinh ngày 29/5/2010 và cháu **Lý Ngọc B**, sinh ngày 31/5/2014 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh **Lý Kim T** có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu **Lý Bảo N1**, sinh ngày 29/5/2010 theo mức là 1.000.000 đồng/1tháng và cấp dưỡng nuôi cháu **Lý Ngọc B**, sinh ngày 31/5/2014 theo mức là 1.000.000 đồng/1 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/4/2026,

cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng anh **T** chuyển tiền hàng tháng, chị **N** là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng nuôi con. Giao cho anh **Lý Kim T** là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Lý Quỳnh N2**, sinh ngày 11/12/2018 cho đến khi cháu **N2** đủ 18 tuổi. Chị **N** không phải cấp dưỡng nuôi cháu **N2**. Chị **N** và anh **T** cùng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

Việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[3]. Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Chị **N** tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, biên bản thuận tình ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Chu Thị N** và anh **Lý Kim T** nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cho chị **Chu Thị N** là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Lý Bảo N1**, sinh ngày 29/5/2010 và cháu **Lý Ngọc B**, sinh ngày 31/5/2014 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh **Lý Kim T** có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu **Lý Bảo N1**, sinh ngày 29/5/2010 theo mức là 1.000.000 đồng/1 tháng và cấp dưỡng nuôi cháu **Lý Ngọc B**, sinh ngày 31/5/2014 theo mức là 1.000.000 đồng/1 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/4/2026, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng anh **T** chuyển tiền hàng tháng, chị **N** là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng nuôi con. Giao cho anh **Lý Kim T** là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Lý Quỳnh N2**, sinh ngày 11/12/2018 cho đến khi cháu **N2** đủ 18 tuổi. Chị **N** không phải cấp dưỡng nuôi cháu **N2**. Chị **N** và anh **T** cùng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

Việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Chị **N** tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang, biên lai số 0000672 ngày 03 tháng 4 năm 2026.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV4-TQ;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND phường Hà Giang 2;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thanh Bình